

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/04/2022.

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí.

2. Ông Đặng Căn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn C – sinh năm 1971; Nơi cư trú: số 430 tổ 16 ấp HB, xã KA, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1978; Nơi cư trú: số 430 tổ 16 ấp HB, xã KA, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày: ông và bà T do quen biết và tiến tới hôn nhân vào năm 2005 có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tánh tình không phù hợp; vợ chồng không tôn trọng nhau thường xuyên cãi nhau cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không được và không còn chung sống với nhau, không ai tới lui thăm nom nhau. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 30/01/2005 hiện đang sống cùng với ông và Lê Thị Thúy N, sinh ngày 30/05/2011 hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con

chung tên Lê Minh T1, đồng ý để bà T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: ông C bà T kết hôn và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn chung sống với nhau từ năm 2020, nhận thấy tình cảm không còn, ông C yêu cầu ly hôn; vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 30/01/2005 hiện đang sống cùng với ông và Lê Thị Thúy N, sinh ngày 30/05/2011 hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Minh T1, đồng ý để bà T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau; bà T không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc ông C xin ly hôn với bà T và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Minh T1 đồng ý để bà T tiếp tục nuôi cháu N là phù hợp Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2].*Về nội dung tranh chấp*: ông C và bà T kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo ông C trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hợp tính nhau, thường hay cãi nhau. Nhận thấy, tình cảm không còn, ông C yêu cầu ly hôn với bà T. Trong quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc ông C yêu cầu ly hôn và triệu tập bà T tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng bà T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông C. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông C, bà T nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn, thường hay cãi nhau và không còn chung sống từ đầu năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C xin ly hôn bà T.

[3] *Về quan hệ con chung*: vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 30/01/2005 hiện đang sống cùng với ông và Lê Thị Thúy N, sinh ngày 30/05/2011 hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Minh T1, đồng ý để bà T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu T1 do ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu N do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định, trong quá trình giải quyết bà T cũng không có ý kiến phản đối việc ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên T1. Nguyên vọng cháu T1 mong muốn được tiếp tục chung sống với ông C. Do đó, để ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1, bà T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với pháp luật, ông C bà T không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

[4] *Về quan hệ tài sản chung*: không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về quan hệ nợ chung*: không có.

[6] *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: ông C phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C xin ly hôn bà Nguyễn Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 178/2009, ngày 19 tháng 05 năm 2009 do Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Ông Lê Văn C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 30/01/2005;

Bà Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Thúy N, sinh ngày 30/05/2011;

Ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông C, bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc ông C xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì ông C, bà T phải liên đới bầu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Lê Văn C phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0013204 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 01/02/2023.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Kiến An, h.Chợ Mới.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình

